TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kham Ly

2. Bà Trần Thị Năm

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng M, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Long An. (xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Khắc K, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2023, nguyên đơn Lê Thị Hồng M trình bày tóm tắt như sau: Bà M và ông Lê Khắc K cưới nhau năm 1998, nhưng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/01/2014, số 01/2014. Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Quốc T, sinh năm 1999. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến mấy năm gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông K không lo làm ăn, lại sa vào nghiện ngập ma túy, ăn chơi trác táng. Bà M và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần, nhưng ông K vẫn không thay đổi, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông K. Về con chung, đã trưởng thành, nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định để các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là ông Lê Khắc K thể hiện yêu cầu ly hôn của bà M, nhưng ông K không hợp tác, không có ý kiến trình bày nào gởi cho Tòa án thể hiện sự phản đối yêu cầu khởi kiện của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn là ông Lê Khắc K không tham gia phiên họp, không tham gia phiên hòa giải. Nguyên đơn là bà Lê Thị Hồng M có đơn đề nghị không hòa giải, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt, ông K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa các bên, thấy rằng: Bà Lê Thị Hồng M và ông Lê Khắc K cưới nhau năm 1998, nhưng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/01/2014, số 01/2014, nên quan hệ hôn nhân của bà M và ông K là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà M thấy rằng: Bà M xác định vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, ông K nghiện ngập ma túy, ăn chơi trác táng, không chăm lo vợ con, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, nên mới khởi kiện xin ly hôn với ông K. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là ông Lê Khắc K thể hiện yêu cầu ly hôn của bà M, nhưng ông K không có ý kiến trình bày nào gởi cho Tòa án thể hiện sự phản đối yêu cầu khởi kiện của bà M. Điều đó cho thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông K.

[2.3] Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà M xác định con chung của bà M và ông K là anh Lê Quốc T, sinh năm 1999, đã trưởng thành. Các đươngt sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này đương

sự có tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là bà Lê Thị Hồng M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn là ông Lê Khắc K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng M được ly hôn với ông Lê Khắc K.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Hồng M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu số 0003415 ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thi hành án phí, nên bà M không phải nộp tiếp.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Tân Thạnh;
-Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
-Đương sự;
-UBND xã Bình Phong Thạnh;
-Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Văn Khánh